

Số: /QĐ-QLCL

Hà Nội, ngày tháng năm

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ  
quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

### CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

Căn cứ Quyết định số 1120/QĐ-BNN-TCCB ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Quyết định số 2937/QĐ-BNN-TCCB ngày 03/8/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi Điều 3 Quyết định số 1120/QĐ-BNN-TCCB ngày 31/3/2017;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế - Bộ Công thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Xét hồ sơ đăng ký chỉ định tại công văn số 2506.20/TSL ngày 25/6/2020 và Đơn đăng ký chỉ định số 0420/TTKNTSL ngày 16/7/2020 và công văn số 0390/TSL ngày 03/9/2020 báo cáo khắc phục đánh giá chỉ định cơ sở kiểm nghiệm và báo cáo khắc phục bổ sung ngày 16/9/2020 của Công ty TNHH Khoa học TSL;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra, Pháp chế và đánh giá sự phù hợp,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước, cụ thể như sau:

- Tên cơ sở kiểm nghiệm: Công ty TNHH Khoa học TSL
- Địa chỉ: 592A Cộng Hòa, Phường 13, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
- Mã số cơ sở kiểm nghiệm: **031/2020/BNN-KNTP.**
- Danh mục phép thử được chỉ định: Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Công ty TNHH Khoa học TSL có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu, phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 1;
- Cục trưởng (báo cáo);
- Cục ATTP – Bộ Y tế (để biết);
- Vụ KHCN – Bộ Công Thương (để biết);
- Vụ KHCN – Bộ NN&PTNT (để biết);
- Các đơn vị thuộc Cục QLCL NLTS (để biết);
- Lưu VT, TTPC.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Phùng Hữu Hào**

**DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ –QLCL ngày /9/2020 của  
Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản)

TT	Tên phép thử	Lĩnh vực	Giới hạn phát hiện của phép thử (nếu có)/phạm vi đo	
			Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện của phép thử (LOD)
<b>I</b>	<b>Phép thử hóa học</b>			
1	Định lượng các chất chuyển hóa của Nitrofurantoin (AOZ, AMOZ, AHD, SEM). Phương pháp sắc ký lỏng ghép khối phổ ba tứ cực (LC-MS/MS).	Thủy sản và sản phẩm thủy sản	TS-KT-SK-20 Ref. TCVN 8351:2010 TCVN 9782:2013	0.03 µg/kg
2	Định lượng Trifluralin. Phương pháp sắc ký khí ghép khối phổ ba tứ cực (GC-MS/MS).		TS-KT-SK-03 Ref. AOAC 2007.01	0.15 µg/kg
3	Xác định hàm lượng kim loại nặng: Pb, Hg, As, Cd, Phương pháp ICP-OES.	Thực phẩm (tôm, rau, cà phê, xúc xích)	TS-KT-QP-02 Ref.10912:2015 AOAC 2015.01 FDA 4.7 Version 1.1 (3/2015)	Pb, Cd: 3 µg/kg Hg, As: 15 µg/kg
<b>II</b>	<b>Phép thử sinh học</b>			
1	Định lượng vi sinh vật	Thực phẩm (thịt; cá; nước mắm; rau; củ quả; gia vị, gạo)	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)	10 CFU/g 1 CFU/mL
2	Định lượng Coliforms	Thực phẩm (thịt; cá; rau; củ, quả; ngũ cốc; trứng)	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	10 CFU/g 1 CFU/L
3	Định lượng Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase ( <i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác) trên đĩa thạch	Thực phẩm (ngheo, ốc; rau, củ, quả; gạo; sữa tươi nguyên liệu)	TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:1999/ Amd 1:2003)	10 CFU/g 1 CFU/mL
4	Định lượng <i>Escherichia coli</i> dương tính β-glucuronidaza	Thực phẩm (thịt, tôm, nước mắm, rau)	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	10 CFU/g 1 CFU/mL
5	Định lượng nấm men và nấm mốc đối với sản phẩm có hoạt độ nước nhỏ hơn 0.95	Thực phẩm (cá; củ, hạt đậu xanh; gia vị)	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	10 CFU/g 1 CFU/mL
6	Phương pháp định lượng <i>Clostridium perfringens</i>	Thực phẩm (cá, nước mắm; rau, củ, quả; gạo)	TCVN 4991:2005 (ISO 7937 : 2004)	10 CFU/g 1 CFU/mL
7	Định lượng Enterobacteriaceae Kỹ thuật đếm khuẩn lạc	Thực phẩm (cá; rau, củ, quả; gạo, trứng; sữa tươi nguyên liệu)	ISO 21528-2:2017	10 CFU/g 1 CFU/mL

8	Phát hiện <i>Vibrio parahaemolyticus</i>	Thực phẩm (thủy sản và sản phẩm thủy sản; quả; gạo; trứng; sữa tươi nguyên liệu)	ISO/TS 21872-1:2017	LOD <sub>50</sub> = 2.75 CFU/25g LOD <sub>50</sub> =4 CFU/25mL
---	------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------	---------------------	-------------------------------------------------------------------

**Ghi chú:**

- Các chỉ tiêu chỉ định có phương pháp thử mã hiệu nội bộ (TS-KT-SK- xx; TS-KT-QP-xx), yêu cầu tuân thủ đúng qui trình phân tích theo hồ sơ đăng ký chỉ định của đơn vị.

- Đơn vị có trách nhiệm báo cáo kết quả tham gia thử nghiệm thành thạo chỉ tiêu trifluralin theo kế hoạch tổ chức của Công ty TNHH Đảm bảo Chất lượng Việt Nam (AoV) ngày 29/9/2020 về Cục ngay khi có thông báo của đơn vị tổ chức chương trình.